

**YÊU CẦU BÁO GIÁ  
Hóa chất xét nghiệm**

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm hóa chất xét nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
  - Ông Nguyễn Đức Tiến – Phó trưởng phòng Tài chính kế toán.
  - Số điện thoại: 0962989956.
  - Email: tiennguyenbvtn@gmail.com.

**3. Cách thức tiếp nhận báo giá:**

Nhận trực tiếp trong giờ hành chính tại địa chỉ: Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên – Thôn 6, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 08 tháng 9 năm 2023 đến trước 17h ngày 19 tháng 9 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2023.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Danh mục hóa chất xét nghiệm:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật
1	Nhóm hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Số lượng, danh mục, thông số kỹ thuật chi tiết tại Bảng mô tả kèm theo





2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- Địa điểm giao hàng cuối cùng: Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên – Thôn 6, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

- Hàng mới 100%, đóng gói theo quy cách của Nhà sản xuất.

- Hạn sử dụng của hàng hóa còn tối thiểu 6 tháng kể từ ngày giao hàng.

- Hướng dẫn sử dụng tại nơi sử dụng.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán vòng 90 ngày kể từ ngày Bệnh viện nhận được hàng hóa cùng chứng từ thanh toán hợp lệ kèm theo.

5. Các thông tin khác.

- Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế;

- Các nhà cung cấp báo giá phải có đủ thông tin các hàng hóa trong đó.

- Mẫu Báo giá theo quy định tại Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập.

Nơi nhận:

- Như k/gửi;

- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

Lê Khắc Tùng



# HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA

(kèm theo Yêu cầu báo giá số 398 /BVTN-BG ngày 19/2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên



STT	Tên hóa chất	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
1	Albumin	Phương pháp: Bromocresol green; Dải đo: 1.21 - 70 g/L. Hộp ≥ (10x60ml)	Hộp	2
2	Ammonia Ethanol CO2 Control I	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Hộp ≥ 3x5ml	Hộp	8
3	Ammonia Ethanol CO2 Control II	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Hộp ≥ (3x5ml)	Hộp	8
4	Bilirubin Direct	Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM; Dải đo: 0.09 - 15 mg/dL. Hộp ≥ (4x60+4x15ml)	Hộp	6
5	Bilirubin Total	Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM; Dải đo: 0.211 - 38 mg/dL (3.61 - 650 μmol/L) Hộp ≥ (8x60+8x15ml)	Hộp	3
6	Biochemistry Calibrator	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. Hộp ≥ (5x5ml)	Hộp	2
7	Biochemistry Control Serum I	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. Hộp ≥ (5x5ml)	Hộp	12
8	Biochemistry Control Serum II	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. Hộp ≥ (5x5ml)	Hộp	12
9	Wash Solution	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%. Can ≥ 5 lít	Can	65
10	CK-MB CONTROL SERUM LEVEL 1	Chất kiểm chuẩn mức 1 dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme.; Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method Lọ ≥ (1x2ml)	Lọ	12
11	CK-MB CONTROL SERUM LEVEL 2	Chất kiểm chuẩn mức 2 dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme.; Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method. Lọ ≥ (1x2ml)	Lọ	12
12	CHOLESTEROL	Phương pháp: Enzymatic; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 0,7%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 0,8%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 22 test Hộp ≥ (4x22,5ml)	Hộp	5
13	Control Serum 1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật Lọ ≥ (1x5ml)	Lọ	12
14	Control Serum 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật Lọ ≥ (1x5ml)	Lọ	12
15	Ethanol	Dải đo: 8.11 mg/dL - 300 mg/dL, phương pháp đo: ALCOHOL DEHYDROGENASE Hộp ≥ (2x20+2x7ml)	Hộp	8
16	Ethanol calibrators	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: đệm amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat Hộp ≥ (2x5ml)	Hộp	1
17	GGT	Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC; Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 1,63%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,4%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test Hộp ≥ (4x18ml+4x18ml)	Hộp	2
18	Protein total	Phương pháp: Biuret; Dải đo: 0.8-150 g/L. Hộp ≥ (2x60+2x20ml)	Hộp	3
19	TRIGLYCERIDE	Phương pháp: Enzymatic; Độ lặp lại: CV ≤ 1,06%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 1,76%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test. Hộp ≥ (4x50ml+4x12.5ml)	Hộp	5
20	Uric Acid	Phương pháp: Uricase / peroxidase; Dải đo: 18.5 - 1487 μmol/L Hộp ≥ (10x60ml)	Hộp	1
21	α - Amylase	Phương pháp: Direct substrate; Dải đo: 4.5 - 1300 U/L Hộp ≥ (8 x 20ml)	Hộp	3





